TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày: 02/8/2019
V/v "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Thị Kim Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 02/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST-DS ngày 03/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2019/QĐST-DS ngày 27/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng A**; đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; địa chỉ: Số 18, đường T, khu đô thị M, quận T, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Hà Thúc N – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Cao Lãnh. Đại diện theo ủy quyền của anh N là anh Hoàng Xuân T – Chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Cao Lãnh; cùng địa chỉ: Số 170 -172, khóm M, thị trấn T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Trà Văn L**, sinh năm 1976;

Huỳnh Thị Ngọc B, sinh năm 1978;

Trà Văn Q, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: Khóm M, thị trấn T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Đại diện Ngân hàng, chị B và anh L có mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện Ngân hàng A trình bày: Vào ngày 31/01/2018, anh Trà Văn L, chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Trà Văn Q có vay của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Cao Lãnh theo hợp đồng tín dụng ngày 31/01/2018 với số tiền

1.250.000.000đ (Một tỷ, hai trăm, năm mươi triệu đồng). Hiện còn dư nợ là 1.250.000.000đ và đã quá hạn từ ngày 20/01/2019.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ anh L, chị Bvà anh Q đã thế chấp cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Cao Lãnh bằng hợp đồng số 015 ngày 29/01/2018, gồm các tài sản như sau: Quyền sử dụng đất và nhà ở số: BX078356, diện tích 86m^2, nhà cấp 4, diện tíc 76,3m^2 thuộc thửa số 958, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khóm M, thị trấn T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nay Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Cao Lãnh yêu cầu: Buộc anh Trà Văn L, chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Trà Văn Q phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 1.250.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 02/8/2019 là 145.965.500đ và số lãi phát sinh theo hợp đồng đến ngày anh L, chị B và anh Q trả hết nợ cho Ngân hàng. Yêu cầu Tòa án xử lý hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng A với anh Trà Văn L, chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Trà Văn Q, gồm tài sản Quyền sử dụng đất và nhà ở số: BX078356, diện tích 86m^2, nhà cấp 4, diện tích 76,3m^2 thuộc thửa số 958, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khóm M, thị trấn T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Nếu anh L, chị B và anh Q trả hết số nợ nêu trên cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Cao Lãnh sẽ trả lại tài sản thế chấp nêu trên.

Bị đơn Huỳnh Thị Ngọc B trình bày: Chị thống nhất với nội dung trình bày của đại diện Ngân hàng A. Vào ngày 31/01/2018, chị, anh L và anh Q có vay của Ngân hàng A số tiền vốn là 1.250.000.000đ, mục đích vay là để kinh doanh và cất nhà (căn nhà hiện tại mà chị, anh L và anh Q đang ở) và có thế chấp Quyền sử dụng đất và nhà ở số: BX078356, diện tích 86m^2, nhà cấp 4, diện tích 76,3m^2 thuộc thửa số 958, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khóm M, thị trấn T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do anh Trà Văn L đứng tên quyền sử dụng đất. Nay chị đồng ý trả cho Ngân hàng A số tiền vốn còn nợ là 1.250.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 02/8/2019 là 145.965.500đ và số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn Trà Văn L trình bày: Anh không thống nhất với nội dung trình bày của đại diện Ngân hàng A và nội dung trình bày của chị Huỳnh Thị Ngọc B (vợ anh). Anh không có vay tiền của Ngân hàng A, việc vay tiền của chị Lợi thì anh không biết, không nghe chị B nói và chị B cũng không có đem tiền về để kinh doanh và cất nhà như chị B trình bày; anh không biết gì về khoản nợ này (anh mới biết khoản vay này khoảng 7 tháng nay).

Các chữ ký của anh tại Hợp đồng tín dụng số HM1218.015 ngày 31/01/2018; Giấy ủy quyền ngày 31/01/2018; Hợp đồng thế chấp số 015 ngày 29/01/2018 là không phải của anh và anh cũng không có biết gì về những văn bản này. Nay anh không đồng ý liên đới cùng với chị B và anh Q trả cho Ngân hàng A số tiền vốn vay là 1.250.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 02/8//2019 là 145.965.500đ và số lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn là anh Trà Văn Q đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

+ Hợp đồng tín dụng ngày 31/01/2018 (bản sao);

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 29/01/2018 (bản sao);

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao);

- Các bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn là chị B, anh L và anh Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền vốn vay là 1.250.000.000đ và số tiền lãi là 145.965.500đ (tính đến ngày 02/8/2019) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ; yêu cầu Tòa án xử lý hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng A với anh Trà Văn L, chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Trà Văn Q là quyền sử dụng đất và nhà ở số: BX078356, diện tích 86m^2, nhà cấp 4, diện tích 76,3m^2 thuộc thửa số 958, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khóm M, thị trấn T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do anh Trà Văn Lắm đứng tên quyền sử dụng đất, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tài sản) giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy: Hợp đồng tín dụng (vay tài sản) giữa Ngân hàng A với chị B, anh L và anh Q được xác lập vào ngày 31/01/2018 đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4] Về tố tụng: Đối với bị đơn là anh Trà Văn Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì Ngân hàng không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể Ngân hàng chỉ yêu cầu chị B, anh L và anh Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 1.250.000.000đ và số tiền lãi là 145.965.500đ (tính đến ngày 02/8/2019) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ; không yêu cầu xử lý tài sản đối với tài sản mà chị B, anh L và anh Q đã thế chấp cho Ngân hàng. Xét việc tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Còn việc Ngân hàng NAkhởi kiện yêu cầu chị B, anh L và anh Qcó nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 1.250.000.000đ và số tiền lãi là 145.965.500đ (tính đến ngày 02/8/2019) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, bởi lẽ:

Vào ngày 31/01/2018, chị Huỳnh Thị Ngọc B, anh Trà Văn L và anh Trà Văn Q có làm hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với Ngân hàng để vay số tiền vốn là 1.250.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay kinh doanh; lãi suất 10%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/năm x lãi suất trong hạn. Việc hai bên ký hợp đồng là tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi vay thì chị B, anh L và anh Q đã không thực hiện việc trả nợ như hai bên đã thỏa thuận ký kết và Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu chị B, anh L và anh Q trả nợ nhưng chị B, anh L và anh Q vẫn không trả. Do đó, việc Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu chị B, anh L và anh Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 1.250.000.000đ và số tiền lãi 145.965.500đ (tính đến ngày 02/8/2019, tổng cộng vốn và lãi là 1.395.965.500đ là có căn cứ nên chấp nhận.

Mặt khác, tại phiên tòa chị B thừa nhận chị, anh L và anh Q có vay của Ngân hàng A số tiền 1.250.000.000đ và hiện nay chưa trả vốn và lãi cho Ngân hàng. Mục đích vay là để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt trong gia đình, cụ thể là kinh doanh và xây dựng căn nhà mà hiện nay chị, anh L và anh Q đang ở. Chị thừa nhận tại thời điểm vay tiền chị, anh L và anh Q đều cùng ký tên vào hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng nên chị yêu cầu anh Lvà anh Q phải có nghĩa vụ liên đới cùng với chị trả nợ cho Ngân hàng số tiền 1.395.965.500đ. Đồng thời, chị B cũng xác định trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án này, chị B có cho anh Q (con chị B và anh L) biết việc Ngân hàng khởi kiện anh Q và anh Q không có ý kiến gì.

Còn việc anh Lắm cho rằng anh không có vay số tiền 1.250.000.000đ của Ngân hàng A; việc vay tiền của chị B thì anh không biết, không nghe chị B nói và chị B cũng không có đem tiền về để kinh doanh và xây dựng nhà như chị B trình bày; anh không biết gì về khoản nợ này nên anh không đồng ý cùng liên đới trả nợ với chị B và anh Q nhưng anh không có chứng cứ gì để chứng minh. Mặt khác, tại phiên tòa anh Lắm thừa nhận trước đây anh, chị B và anh Q có vay tiền của Ngân hàng A để kinh doanh và xây nhà nhưng không nhớ rõ thời gian.

Đối với các chữ ký của anh tại Hợp đồng tín dụng ngày 31/01/2018; Giấy ủy quyền ngày 31/01/2018; Hợp đồng thế chấp ngày 29/01/2018 là không phải của anh, anh không có biết gì về những văn bản này và anh cũng không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của anh. Đồng thời, anh cũng không yêu cầu gì đối với hợp đồng thế chấp ngày 29/01/2018 (không yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp). Như vậy, việc anh L cho rằng anh không có vay số tiền 1.250.000.000đ của Ngân hàng A là không có căn cứ.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

[7] Tại phiên tòa, đại diện của Ngân hàng, chị B, anh L xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì Ngân hàng, chị B và anh L không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc yêu cầu chị B, anh L và anh Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 1.250.000.000đ và số tiền lãi 145.965.500đ (tính đến ngày 02/8/2019), tổng cộng vốn và lãi là 1.395.965.500đ nên chị B, anh L và anh Q phải liên đới chịu 53.878.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.900.000đ theo biên lai số 0006519 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

- Buộc anh Trà Văn L, chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Trà Văn Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền 1.395.965.500đ (Một tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (ghi trong hợp đồng tín dụng ngày 31/01/2018), nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí: Anh Trà Văn L, chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Trà Văn

+ Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.900.000đ theo biên lai số 0006519 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Trịnh Hữu Chinh